TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành
Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà***:*** Ông Đỗ Xuân Phú- kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Bùi Thị V, sinh năm 1995 (có mặt)
-Bị đơn: anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 (có mặt)
Đều cư trú: thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn XuânT kết hôn ngày 27/4/2015, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi cưới chị về chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2024 đến nay (chị vẫn đang ở nhà anh T để nuôi con, cuối tuần anh T về thì chị lại về nhà bố mẹ đẻ). Nay chị xác định tình cảm không còn, chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 02/5/2016 và cháu Nguyễn Bùi Thu T, sinh ngày 17/4/2018. Hiện nay các con đang ở chung với anh chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu T, để anh T nuôi cháu Tân. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện chị đang làm công ty thu nhập bình quân 6.000.000đ đến 7.000.000đ /tháng**.**

Về tài sản chung, tài sản riêng , công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày: Về thời gian kết hôn như chị V trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9/2024 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế nhưng vẫn ở chung nhà chung sống bình thường. Nay chị V xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vẫn còn, tuy nhiên chị V không còn tình cảm với anh và kiên quyết xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị V trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, anh xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đang làm công ty thu nhập bình quân 11.000.000đ /tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Bùi Thị V và anh Nguyễn Xuân T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Thu T, sinh ngày 17/4/2018. Anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 02/5/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Bùi Thị V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân T, bị đơn đang trú tại xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị V và anh Nguyễn Xuân T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không quan tâm lẫn nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Ti, anh T đồng ý. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị V xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 02/5/2016 và Nguyễn Bùi Thu T, sinh ngày 17/4/2018 hiện đang ở cùng anh chị. Ly hôn chị Vxin nuôi cháu T để anh T nuôi cháu T, anh T xin nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng chị V và anh T đều đủ điều kiện để nuôi con, nguyên vọng của cháu T xin được ở với bố, cháu T xin được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con nên giao cháu T cho chị V, cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Việc các bên không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị V, anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Bùi Thị V và anh Nguyễn Xuân T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Thu T, sinh ngày 17/4/2018. Anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Nguyễn Duy T, sinh ngày 02/5/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị V, anh T có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị V tự nguyện chịu 150.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000636 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Trả lại chị V 150.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Lưu.